

Phụ lục IV
THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU
TẠI LĨNH VỰC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2025)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Cơ quan, đơn vị				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
1.1.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định.	19/19 (CQCM cấp tỉnh)	15/19	18/19	19/19	13/13
1.2.	Số tổ chức liên ngành do cơ quan tham mưu					
2	Số liệu về biên chế công chức					
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	2971	2979	2955	2920	2880
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	2825	2.728	2786	2788	2.623
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan	278	278	278	278	278
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	333	325	349	384	424
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	10,08%	9,84%	10,56%	11,62%	12,83%
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	38.808	38.109	37.374	36.635	35.822
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	38.802		37.035	34.426	34.426

STT	Chỉ tiêu thống kê	Cơ quan, đơn vị				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	4312	699	735	739	813
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	10,08%	11,62	13,32	15,03	16,92